

- 57. Giấy phép khắc chữ.
- 58. Giấy phép gia công phim ảnh.
- 59. Giấy phép thiết kế, tạo mẫu.
- 60. Giấy phép bán tranh điện.
- 61. Giấy phép cho thuê máy tính.
- 62. Giấy phép dịch thuật.
- 63. Giấy phép dịch vụ bi-a.
- 64. Giấy phép bán đồ mỹ nghệ lưu niệm.

12. Ngành Giao thông vận tải:

- 65. Giấy phép vận tải hành khách công cộng bằng xe máy.
- 66. Giấy phép mở rộng địa bàn hành nghề xây dựng.
- 67. Giấy phép hành nghề xây dựng giao thông.
- 68. Giấy phép vận tải đường thủy.
- 69. Giấy phép đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải.
- 70. Giấy phép hoạt động hàng hải.
- 71. Giấy phép hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng hải.
- 72. Giấy phép hành nghề, sửa chữa, đóng mới phương tiện thủy nội địa.
- 73. Giấy phép vận tải hàng hóa, giấy phép vận tải hành khách.
- 74. Giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ vận tải đường thủy nội địa.
- 75. Giấy phép vận tải đường bộ.
- 76. Giấy phép cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ.
- 77. Giấy phép sử dụng vùng nước đường thủy nội địa.
- 78. Giấy phép hành nghề sản xuất sản phẩm công nghiệp giao thông vận tải.

13. Ngành Xây dựng:

- 79. Chứng chỉ hành nghề xây dựng.
- 80. Chứng chỉ hành nghề tư vấn xây dựng.

14. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- 81. Giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán thuốc thú y.
- 82. Giấy phép chế biến gỗ và lâm sản.
- 83. Chứng chỉ hành nghề xay xát, chế biến thực phẩm.

15. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- 84. Chứng chỉ hành nghề tư vấn đầu tư nước ngoài.

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/2/2000 về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng ban hành ngày 29 tháng 8 năm 1994 và Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 (gia nhập tổ chức cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1944 về trước, đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định công nhận), khi mua nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 (sau đây gọi là Nghị định số 61/CP), được Nhà nước hỗ trợ theo các quy định sau đây:

1. Người gia nhập tổ chức cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1935 về trước được miễn toàn bộ tiền mua nhà và tiền sử dụng đất;

2. Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 1 năm 1936 đến ngày 31 tháng 12 năm 1944, được tặng thưởng Huân chương Sao vàng hoặc Huân chương Hồ Chí Minh hoặc Huân chương Độc lập hạng nhất được miễn tiền mua nhà không quá 200 mét vuông sử dụng và miễn tiền sử dụng đất không quá 300 mét vuông;

3. Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 1 năm 1936 đến ngày 31 tháng 12 năm 1944, không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều này được miễn tiền mua nhà không quá 100 mét vuông sử dụng và miễn tiền sử dụng đất không quá định mức đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định;

4. Người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 đang ở căn hộ khép kín thuộc nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở thì ngoài việc được miễn toàn bộ tiền nhà và tiền sử dụng đất còn được hỗ trợ thêm 20 triệu đồng;

5. Người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 đang ở căn hộ không khép kín trong nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở thì được chuyển đổi sang căn hộ khép kín thuộc nhà ở nhiều tầng nhiều hộ

ở, được miễn toàn bộ tiền nhà, tiền sử dụng đất và được hỗ trợ thêm 20 triệu đồng;

6. Trường hợp nhà ở của những người được hỗ trợ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thuộc loại không được chuyển thành sở hữu tư nhân như đã quy định tại Điều 5 Nghị định số 61/CP thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để hỗ trợ như sau:

- Đối với người được hỗ trợ quy định tại khoản 1 thì chuyển đổi sang nhà ở khác (nhà ở đã có hay xây dựng mới) hoặc giao đất không thu tiền tối đa không quá 400 mét vuông và hỗ trợ kinh phí xây dựng không quá 200 mét vuông sàn để làm nhà ở mới;

- Đối với người được hỗ trợ quy định tại khoản 2 thì giao đất không thu tiền tối đa không quá 300 mét vuông và hỗ trợ kinh phí xây dựng không quá 200 mét vuông sàn để tự làm nhà ở mới;

- Đối với người được hỗ trợ quy định tại khoản 3 thì giao đất không thu tiền tối đa không quá định mức đất ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng phải dưới 300 mét vuông và hỗ trợ kinh phí xây dựng không quá 100 mét vuông sàn để tự làm nhà ở mới.

Trường hợp người được hỗ trợ không có điều kiện tự làm nhà và có yêu cầu thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng phù hợp với quy định chung, có sự thỏa thuận với người được hỗ trợ.

Căn cứ để tính kinh phí hỗ trợ đối với những trường hợp quy định tại khoản này là giá xây dựng nhà ở mới; đối với trường hợp ở nhà biệt thự áp dụng giá biệt thự hạng II, đối với các trường hợp khác áp dụng giá nhà cấp II được quy định theo Nghị định số 61/CP.

Điều 2. Người hoạt động cách mạng từ trước năm 1945 không ở nhà thuê thuộc sở hữu nhà

nước hoặc có thuê nhưng đã trả lại cho Nhà nước, được hỗ trợ 50 triệu đồng.

Điều 3. Người gia nhập tổ chức cách mạng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 1 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, được công nhận cán bộ hoạt động cách mạng “tiên khởi nghĩa”, khi mua nhà ở đang thuê thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 61/CP được miễn tiền sử dụng đất đối với nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở hoặc được giảm 80% tiền sử dụng đất đối với nhà ở một tầng và nhà ở nhiều tầng một hộ ở, nhưng diện tích để tính số tiền được giảm không vượt quá định mức đất ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Mức giảm tiền sử dụng đất quy định tại Điều này cũng được áp dụng đối với các trường hợp được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở.

Điều 4. Diện tích nhà ở, đất ở của người được hỗ trợ khi mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Điều 1, Điều 3 là diện tích hiện đang ở thuê, được mua theo quy định hiện hành; nếu đang ở thuê nhiều nơi khác nhau thì cộng chung tất cả diện tích đang thuê. Trường hợp diện tích nhà ở, đất ở lớn hơn mức được hỗ trợ, thì người mua phải thanh toán phần diện tích vượt đó theo giá quy định tại Nghị định số 61/CP đối với phần nhà và tại Nghị định số 87/CP ngày 17 tháng 8 năm 1994 đối với phần đất.

Điều 5. Trong trường hợp người hoạt động cách mạng thuộc diện được hỗ trợ quy định tại Điều 1, Điều 3 đã mất mà vợ (hoặc chồng) còn sống thì vợ (hoặc chồng) được hưởng tiêu chuẩn hỗ trợ theo mức đã quy định.

Đối với trường hợp thuộc diện được hỗ trợ quy định tại Điều 1 mà cả vợ và chồng đã mất và các con có khó khăn về nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể để hỗ trợ cải thiện nhà ở (giảm tiền mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, giảm tiền sử dụng đất khi giao đất, hỗ trợ bằng tiền hoặc các hình thức khác);

tổng số tiền hỗ trợ của tất cả các hình thức tối đa là 50 triệu đồng.

Điều 6. Những hộ gia đình có người được hỗ trợ theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này thì không áp dụng các ưu đãi quy định tại Quyết định số 118/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1996 và Quyết định số 64/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này, nếu trong hộ gia đình có nhiều người thuộc diện được ưu đãi thì được cộng các tiêu chuẩn ưu đãi quy định tại Quyết định số 118/TTg và Quyết định số 64/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trường hợp người thuộc diện được hỗ trợ quy định tại Quyết định này đã mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Nghị định số 61/CP hoặc đã được hỗ trợ bằng hình thức giao đất làm nhà ở theo Quyết định số 118/QĐ-TTg thì được hoàn trả số tiền chênh lệch (nếu có) giữa mức được hỗ trợ theo Quyết định này so với mức được hỗ trợ theo Quyết định số 118/QĐ-TTg và theo Quyết định số 64/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Người thuộc diện được hỗ trợ bằng tiền theo khoản 4 Điều 1 và Điều 2, nếu đã được chính quyền địa phương trợ giúp tiền để cải thiện nhà ở nhưng chưa đủ mức như quy định tại Quyết định này, thì được bù thêm phần chênh lệch cho đủ mức.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

1. Trong vòng một năm kể từ khi Quyết định này có hiệu lực, phải hoàn thành việc hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 và Điều 2; việc hỗ trợ đối với những trường hợp còn lại phải hoàn thành chậm nhất trong năm 2002. Người được hưởng tiêu chuẩn hỗ trợ nhưng đang chờ giải quyết có thể cho thừa kế quyền hưởng thụ tiêu chuẩn đó.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách những người được hỗ trợ theo các mức đã quy định, lập kế hoạch cụ thể về kinh phí, đất ở, xây dựng nhà ở mới, tiến độ thực hiện... và tổ chức thực hiện đúng đối tượng, đúng chế độ. Đối với người thuộc diện được hỗ trợ có nhu cầu chuyển cư thì việc hỗ trợ phải thực hiện trước khi chuyển cư.

3. Các Bộ, ngành, cơ quan đang quản lý nhà ở của những người thuộc diện được hỗ trợ tại Điều 1, Điều 3 của Quyết định này có nhiệm vụ chuyển giao công tác quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 6 năm 2000 để thực hiện việc hỗ trợ.

4. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ cần đổi và bố trí đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ theo thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Bộ Xây dựng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương Đảng, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Địa chính chỉ đạo việc thực hiện và giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết những trường hợp chưa được quy định trong Quyết định này và những khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết của Bộ, ngành.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHÁI

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN của Văn phòng Chính phủ số 09/VPCP-ĐMDN ngày 28/1/2000 về việc đính chính Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 29/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp

(đã in trong công báo số 4 năm 2000).

Do sơ suất trong khâu biên tập, Văn phòng Chính phủ xin đính chính sai sót trong Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp như sau:

1. Điều 3 trang 2 xin đọc là:

“Điều 3. Tổ công tác do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Tổ trưởng và gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.”

2. Danh sách thành viên nhóm giúp việc Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp ghi trong Quyết định số 1253/QĐ-TTg xin đọc là:

<<DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ CÔNG TÁC THI HÀNH LUẬT DOANH NGHIỆP

(kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Tổ Công tác thi hành Luật Doanh nghiệp).

1. Ông Trần Xuân Giá, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổ trưởng.

2. Ông Uông Chu Lưu, Thứ trưởng Bộ Tư pháp, Tổ phó.